

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 462/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 7 - 2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chương
2. Ông Hoàng Đức Cảnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Hà Xuân Sơn, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992; nơi ĐKKHTT: Thôn 6, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; nơi ở: Thôn 2, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; Có mặt.

2. ***Bị đơn:*** Anh Trần Văn V sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn 6, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 05 tháng 1 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Trần Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 13/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi tổ chức lễ cưới, vợ chồng chung sống tại xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là

do tính tình vợ chồng không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong làm ăn kinh tế. Mặt khác, anh V có hành vi bạo lực với chị nên cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Do mâu thuẫn, chị và anh V đã sống ly thân nhau từ năm 2013 đến nay. Vợ chồng không còn tình cảm nên chị đề nghị Tòa án cho ly hôn với anh V. Chị và anh V không có con chung.

-Về tài sản chung: Chị và anh V có tài sản chung nhưng đề tự thỏa thuận với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn V không đến Tòa án để giải quyết về yêu cầu xin ly hôn của chị H mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại biên bản ngày 14 tháng 3 năm 2017 anh V trình bày: Thống nhất với lời khai của chị H về điều kiện kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do chị H đi làm ăn xa, mặt khác vợ chồng lấy nhau đã lâu mà chưa có con chung nên vợ chồng xa cách về tình cảm. Anh thấy vợ chồng còn tình cảm nên muốn đoàn tụ. Vợ chồng không có con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đúng theo qui định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật và người tham gia tố tụng. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Lời khai của chị H về thời điểm kết hôn, về con chung phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn mà chị H giao nộp cho Tòa án, phù hợp với tài liệu xác minh tại địa phương. Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Mâu thuẫn vợ chồng do tính tình không hoà hợp, bất đồng quan điểm sống, mặt khác chị H đi làm ăn xa, vợ chồng lấy nhau đã lâu mà chưa có con chung nên vợ chồng xa cách về tình cảm. Mâu thuẫn đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ, chị Hường đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ từ nhiều năm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trần Văn V là bị đơn cư trú tại Thôn 6, xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng; vì vậy Tòa án nhân dân huyện T, thành phố Hải Phòng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp căn cứ theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh V đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, thành phố Hải Phòng số 62 ngày 13 tháng 1 năm 2010 là hợp pháp. Quá trình sinh sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân nhau. Chị H kiên quyết xin ly hôn vì vợ chồng không còn tình cảm, anh V không đến Tòa án để hoà giải, tài liệu xác minh thể hiện tình trạng mâu thuẫn đã trầm trọng, khó có khả năng đoàn tụ. Vì vậy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, có đủ căn cứ cho chị H được ly hôn anh V theo qui định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn V không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn V không có yêu cầu giải quyết về tài sản chung trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTTQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Trần Văn V.
- Về nghĩa vụ án phí: Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T (theo biên lai thu số 0000667 ngày 20 tháng 01 năm 2017) nên chị Nguyễn Thị H đã thi hành xong nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND, Chi cục THADS H. T;
- TANDTP. Hải Phòng;
- UBND xã C, H, T, TP. Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Lý

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Lý

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:(2)...../...../.....

Ngày:(3)-.....-.....

V/v tranh chấp(4).....

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN (5).....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:(6)

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà).....

2. Ông (Bà).....

3. Ông (Bà).....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....(7)

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân(8)..... tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....(9) tại

xét xử sơ thẩm công khai(10) vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....(11)

ngày..... tháng..... năm..... về tranh chấp.....(12)

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày.....

tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:(13).....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:(14)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:(15).....

2. Bị đơn: (16)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:(17)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:(18)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):(19).....
 Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(20)
 Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:(21).....
 4. Người làm chứng(22)
 5. Người giám định:(23).....
 6. Người phiên dịch:(24)

NỘI DUNG VỤ ÁN: (25)

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:(26)

- [1]
 [2]
 [3]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....(27)

(28):

..... (2
 9)

